

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 416/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Chuẩn hóa Danh mục 05 thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo tại Mục VII Phần C, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội tại Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội (*cấp xã*) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung TTHC được công bố kèm theo Quyết định này; xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 05 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm Mã Thủ tục: 1.011606	105 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm Mã Thủ tục: 1.011607	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm Mã Thủ tục: 1.011608	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình Mã Thủ tục: 1.011609	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	Luật cư trú năm 2020; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

5	Công nhận người lao động có thu nhập thấp Mã Thủ tục: 3.000412	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (Nghị định số 30/2025/NĐ-CP); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 02/2022/TT- BLĐTBXH; Thông tư số 07/2021/TT- BLĐTBXH.
---	---	--	---	-------	---

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên thủ tục hành chính: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm

- Thời gian giải quyết theo quy định: 105 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận; quét (scan) hồ sơ lên phần mềm điện tử và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Hồ sơ theo quy định (bản cứng, bản scan)	01 ngày
B2	Tiếp nhận, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo xã	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
B3	Thực hiện việc thụ lý, xử lý hồ sơ (thực hiện công tác chuyên môn, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo)	Cán bộ giảm nghèo; cán bộ rà soát, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Các văn bản đầu ra	76 ngày
B4	Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hoá	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã	Danh sách	3 ngày
	Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có)	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã	Danh sách	10 ngày

B5	UBND cấp xã báo cáo xin ý kiến UBND cấp huyện	Chủ tịch UBND cấp xã	Báo cáo	0,5 ngày
B6	UBND cấp huyện cho ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn	Chủ tịch UBND cấp huyện	Văn bản phản hồi	5 ngày
B7	UBND cấp xã ban hành QĐ và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo	Chủ tịch UBND cấp xã	Quyết định	7 ngày
B8	Trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Cán bộ giảm nghèo	Quyết định	0,5 ngày
B9	Tiếp nhận, trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trả kết quả; lưu hồ sơ	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				105 ngày làm việc

2. Tên thủ tục hành chính: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Hồ sơ theo quy định (bản cứng, bản scan)	0,5 ngày
B2	Tiếp nhận, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo xã	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
B3	Thực hiện việc thụ lý, xử lý hồ sơ (thực hiện công tác chuyên môn theo quy trình)	Cán bộ giảm nghèo; cán bộ rà soát, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Các văn bản đầu ra	5 ngày
B4	Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hoá. Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có)	Cán bộ giảm nghèo; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Danh sách	3 ngày
B5	Lãnh đạo xã xem xét, phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Quyết định	4,5 ngày

B6	Cán bộ được phân công xử lý hồ sơ trả về bộ phận một cửa	Cán bộ giảm nghèo	Quyết định	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận, trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trả kết quả; lưu hồ sơ	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày làm việc

3. Tên thủ tục hành chính: Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Hồ sơ theo quy định (bản cứng, bản scan)	0,5 ngày
B2	Tiếp nhận, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo xã	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
B3	Thực hiện việc thụ lý, xử lý hồ sơ (thực hiện công tác chuyên môn theo quy trình)	Cán bộ giảm nghèo; cán bộ rà soát, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Các văn bản đầu ra	5 ngày
B4	Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hoá. Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có)	Cán bộ giảm nghèo; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Danh sách	3 ngày
B5	Lãnh đạo xã xem xét, phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Quyết định	4,5 ngày
B6	Cán bộ được phân công xử lý hồ sơ trả về bộ phận một cửa	Cán bộ giảm nghèo	Quyết định	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận, trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trả kết quả; lưu hồ sơ	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày làm việc

4. Tên thủ tục hành chính: Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Hồ sơ theo quy định (bản cứng, bản scan)	0,5 ngày
B2	Tiếp nhận, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo xã	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
B3	Thực hiện việc thụ lý, xử lý hồ sơ (thực hiện công tác chuyên môn theo quy trình)	Cán bộ giảm nghèo; cán bộ rà soát, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Các văn bản đầu ra	5 ngày
B4	Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hoá. Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có)	Cán bộ giảm nghèo; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Danh sách	3 ngày
B5	Lãnh đạo xã xem xét, phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Quyết định	4,5 ngày
B6	Cán bộ được phân công xử lý hồ sơ trả về bộ phận một cửa	Cán bộ giảm nghèo	Quyết định	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận, trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trả kết quả; lưu hồ sơ	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày làm việc

5. Tên thủ tục hành chính: Công nhận người lao động có thu nhập thấp

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Hồ sơ theo quy định (bản cứng, bản scan)	0,5 ngày
B2	Tiếp nhận, phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo xã	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
B3	Thực hiện việc thụ lý, xử lý hồ sơ (thực hiện công tác chuyên môn theo quy trình)	Cán bộ giảm nghèo; cán bộ rà soát, điều tra viên; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Các văn bản đầu ra	5 ngày
B4	Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hoá. Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có)	Cán bộ giảm nghèo; BCD rà soát hộ nghèo cấp xã	Danh sách	3 ngày
B5	Lãnh đạo xã xem xét, phê duyệt	Chủ tịch UBND xã	Quyết định	4,5 ngày
B6	Cán bộ được phân công xử lý hồ sơ trả về bộ phận một cửa	Cán bộ giảm nghèo	Quyết định	0,5 ngày
B7	Tiếp nhận, trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trả kết quả; lưu hồ sơ	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày làm việc